

**CÔNG TY TNHH C+ DECOR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH C+ DECOR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: C+ DECOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: C+ DECOR

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108958398

**3. Ngày thành lập:** 24/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 41, ngõ 521/21 An Dương Vương, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967234780

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                        | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                  | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                            | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                             | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                 | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                      | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                       | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                        | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                 | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                          | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                    | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                               | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                   | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                        | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                    | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí    | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                           | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                           | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                      | 4390        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Khảo sát địa hình;<br>- Khảo sát địa chất công trình.<br>- Thiết kế kiến trúc công trình;<br>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;<br>- Thiết kế cơ - điện công trình;<br>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình;<br>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.<br>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;<br>- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;<br>- Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình | 7110 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4752 |
| 24. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8121 |
| 25. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8129 |
| 26. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8130 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4659 |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: PHÙNG VĂN CHIẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/12/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026080004001

Ngày cấp: 09/07/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Yên, Phường Hội Hợp, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 41, ngõ 521/21 An Dương Vương, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHÙNG VĂN CHIẾN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/12/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *026080004001*

Ngày cấp: *09/07/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phố Yên, Phường Hội Hợp, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 41, ngõ 521/21 An Dương Vương, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*